※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.

※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 자동차등록규칙 [별지 제11호 서식] <개정 2021. 2. 5.>
■ Thông tư hướng dẫn Đăng ký xe ô tô [Mẫu đính kèm số 11]
<Sửa đổi 2021. 2. 5.>

자동차365(www.car365.go.kr)에서도 신청할 수 있습니다.
Có thể đăng ký tại Car365 (www.car365.go.kr).

자동차 변경등록 신청서
ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI Ô TÔ

※ 음영 처리된 칸은 신청인이 적지 않으며, [ ]에는 해당되는 곳에 √표를 합니다. (앞쪽)
※ Người đăng ký không điền vào các ô màu tối, và đánh dấu √ vào [ ] tương ứng. (Mặt trước)

접수 번호 Số tiếp nhận	접수 일시 Ngày tiếp nhận	발급 일시 Ngày cấp	처리 기간 Thời gian xử lý	**즉시** **Ngay lập tức**

소유자 Người sở hữu	성명(명칭) Họ tên(tên gọi)	주민등록번호(법인등록번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký pháp nhân)
	주소 Địa chỉ	
	전자우편 Email	(휴대)전화번호 (제작결함 시정 통지 시 문자 발송) Số điện thoại (di động) (tin nhắn được gửi khi có thông báo khắc phục lỗi sản xuất)

자동차 Xe ô tô	등록 번호 Số đăng ký	색상 Màu sắc
	사용 본거지 (주민등록지, 법인 등의 주 사무소 또는 지점) Địa điểm sử dụng (nơi đăng ký cư trú, trụ sở chính hoặc chi nhánh của pháp nhân, v.v.)	

변경 사항 Nội dung thay đổi	[ ]명칭 [ ]Tên gọi	[ ]법인등록번호 [ ]Số đăng ký pháp nhân	[ ]자동차의 사용본거지 [ ]Địa điểm sử dụng xe	
	[ ]자동차의 용도 [ ]Mục đích sử dụng xe	[ ]자동차의 종류 [ ]Chủng loại xe	[ ]자동차등록번호 [ ]Số đăng ký xe	[ ]기 타 [ ]Khác
변경 내용 Nội dung thay đổi	변경일 Ngày thay đổi	변경 전 Trước thay đổi	변경 후 Sau thay đổi	

「자동차관리법」 제11조, 「자동차등록령」 제22조제1항 및 「자동차등록규칙」 제29조제1항에 따라 위와 같이 신청합니다.
Tôi xin đăng ký nội dung như trên theo Điều 11 “Luật Quản lý ô tô”, khoản 1 Điều 22 của “Nghị định hướng dẫn Đăng ký ô tô” và khoản 1 Điều 29 của “Thông tư hướng dẫn Đăng ký xe ô tô”.

년 월 일
Năm tháng ngày

신청인
Người đăng ký

성명
Họ tên

생년월일
Năm, tháng, ngày sinh

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

특별시장・광역시장・특별자치시장・도지사・특별자치도지사 또는 시장・군수・구청장 귀하

Kính gửi Thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), Thị trưởng Thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) hoặc Thị trưởng, Chủ tịch quận (gu), Chủ tịch huyện (gun)

행정정보 공동이용 동의서
Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 이 건 업무처리와 관련하여 전산정보처리조직 및 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 특별시장・광역시장・특별자치시장・도지사・특별자치도지사 또는 시장・군수・구청장이 뒤쪽의 확인 사항을 확인하는 것에 동의합니다.

Để xử lý vấn đề này, tôi đồng ý với việc Thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc tỉnh (do), Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) hoặc Thị trưởng, Chủ tịch quận (gu), Chủ tịch huyện (gun) xác nhận các chi tiết ở mặt sau thông qua tổ chức xử lý thông tin trên máy vi tính và sử dụng chung thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử”.

※ 신청인이 특별시장・광역시장・특별자치시장・도지사・특별자치도지사 또는 시장・군수・구청장의 확인에 동의하지 않거나 전산정보처리조직 및 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 확인할 수 없는 경우에는 해당 서류(법인등기부등본은 제외합니다)를 신청인이 직접 제출해야 합니다.

※ Nếu không đồng ý cho phép Thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), Thị trưởng thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc tỉnh (do), Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) hoặc Thị trưởng, Chủ tịch, Chủ tịch huyện (gun) xác nhận hoặc không thể xác nhận thông qua tổ chức xử lý thông tin trên máy vi tính và sử dụng chung thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 “Luật Chính phủ điện tử”, người nộp đơn phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan (ngoại trừ bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).

신청인(대표자)
Người đăng ký (người đại diện) (서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)

첨부 서류 Hồ sơ đính kèm	뒤쪽 참조 Tham khảo mặt sau	수수료 1,300원(주민등록 전입신고로 갈음하는 사용 본거지 변경은 제외합니다.) Lệ phí 1.300 Won (ngoại trừ đối với việc thay đổi nơi sử dụng để thay cho khai báo chuyển nơi cư trú.)

210㎜×297㎜[백상지 또는 중질지 80g/㎡]

신청인 제출 서류 Hồ sơ người đăng ký nộp	1. 변경등록 신청 사유(변경 명세)를 증명하는 서류(사업용 자동차는 「여객자동차 운수사업법」 및 「화물자동차 운수사업법」에 따른 사업계획의 변경을 증명하는 서류를 포함합니다.) 1부 1. Tài liệu chứng minh lí do đăng ký thay đổi (chi tiết thay đổi) (đối với xe thương mại, bao gồm tài liệu chứng minh thay đổi kế hoạch kinh doanh theo "Luật Kinh doanh vận tải hành khách" và "Luật Kinh doanh vận tải hàng hóa".) 1 bản 2. 자동차등록번호판(등록 번호가 변경되는 경우에 제출합니다.) 2매 2. Biển số đăng ký xe (nộp khi thay đổi số đã đăng ký) 2 tờ 3. 대리인이 신청하는 경우에는 위임장 및 위임한 사람의 신분을 확인할 수 있는 신분증명서 사본(법인인 경우에는 법인인감증명서를 말하며, 해당 법인이 제출한 사용인감계를 등록관청이 대조·확인할 수 있는 경우에는 제출하지 않아도 됩니다.) 각 1부 3. Nếu là người đại diện, phải có giấy ủy quyền và bản sao giấy tờ tuỳ thân có thể xác nhận nhân thân của người ủy quyền (trong trường hợp là pháp nhân, phải có Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu pháp nhân; nếu cơ quan đăng ký có thể đối chiếu và xác nhận giấy đăng ký con dấu sử dụng do pháp nhân đó nộp thì không cần phải nộp.) Mỗi loại 1 bản	수수료 1,300원(주민등록 전입신고로 갈음하는 사용 본거지 변경은 제외합니다.) Lệ phí 1.300 Won (ngoại trừ đối với việc thay đổi nơi sử dụng để thay cho khai báo chuyển nơi cư trú.)
특별시장·광역시장·특별자치시장·도지사·특별자치도지사 또는 시장·군수·구청장 확인사항 Nội dung Thị trưởng thành phố đặc biệt (teukbyeolsi), Thị trưởng Thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), Thị trưởng thành phố tự trị đặc biệt (teukbyeol jachisi), Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt (teukbyeol jachido) hoặc Thị trưởng, Chủ tịch quận (gu), Chủ tịch huyện (gun) xác nhận	1. 소유자가 개인인 경우에는 주민등록표 초본, 운전면허증 또는 외국인등록사실증명(주민등록증 사본 또는 운전면허증 사본이나 그 밖의 사용 본거지를 알 수 있는 서류로 갈음할 수 있습니다.) 1. Trích lục bảng đăng ký cư trú, bằng lái xe hoặc giấy xác nhận sự thật đăng ký người nước ngoài (có thể thay thế bằng bản sao chứng minh thư Hàn, bản sao giấy phép lái xe hoặc bất kỳ tài liệu nào khác thể hiện địa điểm sử dụng), nếu chủ sở hữu là cá nhân 2. 비사업용 자동차를 등록하는 법인 등의 경우에는 사업자등록증 또는 법인 등기사항증명서(사업자등록증 사본이나 그 밖의 사용본거지를 알 수 있는 서류로 갈음할 수 있습니다.) 2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký pháp nhân (có thể thay thế bằng bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu khác thể hiện nơi sử dụng), nếu pháp nhân đăng ký xe phi thương mại 3. 자동차등록원부 3. Sổ đăng ký xe ô tô	

유의사항
Nội dung lưu ý

1. 자동차등록원부에 적힌 등록사항이 변경된 경우에는 그 사유가 발생한 날부터 30일 이내(사용본거지 변경인 경우에는 전입신고일로부터 30일 이내를 말합니다.)에 변경등록을 신청하여야 합니다.(「자동차관리법」 제11조제1항)

1. Nếu thay đổi nội dung đăng ký trong sổ đăng ký ô tô, phải đăng ký thay đổi trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh lí do (trong trường hợp thay đổi địa điểm sử dụng, điều này có nghĩa là trong vòng 30 ngày kể từ khi khai báo chuyển nơi cư trú). (khoản 1 Điều 11 "Luật Quản lý ô tô")

- 위의 사항을 위반한 경우에는 관련 규정에 따라 과태료를 물게 됩니다.(「자동차관리법」 제84조제5항제2호, 같은 법 시행령 별표 2)

- Nếu vi phạm những điều trên sẽ phải nộp tiền phạt theo các quy định liên quan (điểm 2 khoản 5 Điều 84 "Luật Quản lý ô tô", Phụ lục 2 Nghị định hướng dẫn Luật này)

2. 자동차 소유자의 주민등록지가 자동차의 사용 본거지인 경우에는 「주민등록법」에 따른 전입신고로 사용 본거지 변경등록을 갈음하고, 자동차 소유자가 「주민등록법」에 따라 성명 또는 생년월일을 정정한 경우에는 정정신고로 갈음합니다.

2. Nếu địa chỉ đăng ký cư trú của chủ xe là nơi sử dụng xe thì đăng ký thay đổi nơi sử dụng sẽ được thay thế bằng khai báo chuyển nơi cư trúđến theo "Luật Đăng ký cư trú"; và theo "Luật Đăng ký cư trú" nếu chủ xe đã sửa họ tên hoặc ngày tháng năm sinh, sẽ được thay thế bằng khai báo điều chỉnh.

3. (휴대)전화번호와 전자우편(이메일)주소는 귀하의 자동차 관리(리콜 등)에 필요한 사항을 안내하고 도움을 주려는 목적으로 이용되니 적어 주시고, 변경되는 경우에는 관할 등록 관청에 알려주십시오. 다만, 본인이 원하지 않으면 적지 않아도 됩니다.

3. Hãy điền số điện thoại (di động) và địa chỉ thư điện tử (e-mail) để sử dụng cho mục đích cung cấp hướng dẫn và hỗ trợ về các vấn đề cần thiết để quản lý xe (thu hồi, v.v.). Trường hợp có thay đổi, vui lòng thông báo cho cơ quan đăng ký có liên quan. Tuy nhiên, có thể không điền nếu không muốn.